TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **T. KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 90/2018/DSST
Ngày 29/10/2018
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Toàn

2. Ông Cao Phước Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên toà có ông Lương Thành Trung – KSV.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Khổng Thị H**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, Kiên Giang.

NỘI DNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Khổng Thị H trình bày:**

Do chỗ quen biết nên vào ngày 13/7/2012, tôi có cho bà B vay số tiền 60.000.000 đồng để mua máy cắt lúa. Bà B có hứa sau khi cắt lúa năm 2013 thì sẽ thanh toán cho tôi. Bà B có viết nhận nợ vào cuốn sổ tay của tôi. Hai bên có thỏa thuận lãi là 3%/tháng nhưng bà B không trả lãi hàng tháng cho tôi. Sau một thời gian thì bà B trả cho tôi được số tiền lãi hai lần là 21.600.000 đồng (mỗi lần trả 10.800.000 đồng) và tôi cũng có viết vào sổ để theo dõi. Từ cuối năm 2013 đến nay bà B không trả cho tôi được số tiền gốc và lãi nào cả.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng bà B, ông Dư phải trả cho tôi số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nữa.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Tôi có vay của bà H số tiền 40.000.000 đồng vào khoảng năm 2012. Hai bên có thỏa thuận lãi là 5%/tháng. Tôi có trả lãi hàng tháng cho bà H, mỗi tháng 2.000.000 đồng đóng liên tục đến khoảng năm 2016 thì ngưng. tôi có viết trong sổ tay của bà H về việc mượn số tiền 60.000.000 đồng. Nhưng trong số tiền này thì có 40.000.000 đồng tiền gốc tôi mượn, còn 20.000.000 đồng là tiền lãi bà H nói gộp chung vào luôn. Sau đó đến ngày 19/02/2017 tôi có đến trả cho bà H 12.000.000 đồng, đến ngày 24/10/2017 tôi bán đất nên tiếp tục gửi trả bà H 24.000.000 đồng, tổng cộng tôi đã trả được 36.000.000 đồng.

Tôi đã trả cho bà H 36.000.000 đồng tiền gốc, chỉ còn nợ lại 4.000.000 đồng. nay tôi chỉ đồng ý trả cho bà H 4.000.000 đồng tiền gốc, còn xin tiền lãi vì gia đình tôi làm ăn gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội Dng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là

vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn D – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

3. Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Khổng Thị H và bà Nguyễn Thị B được xác lập vào năm 2012 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng: Vào ngày 13/7/2012al (tức ngày 29/8/2012) bà B có vay của bà H số tiền 60.000.000 đồng để mua máy cắt lúa. Bà H có cung cấp cho Tòa Giấy ghi nợ (BL 16) có nội Dng: "B có mượn chị sáu tiền 60 chiệu đồng ngày 13/7/2012al...". Theo lời khai của bà B (BL 19), bà B xác định chữ viết trong Giấy nhận nợ trên đúng là chữ viết của bà, do đó bà B phải chịu trách nhiệm đối với số nợ này.

Tại Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ như sau: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."

Đối với tiền lãi: Do các bên khai về việc thỏa thuận mức lãi suất không thống nhất nên cần áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm giao dịch là 9%/năm bằng 0,75%/tháng. Bà B vay từ ngày 29/8/2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (29/10/2018) là 74 tháng, như vậy lãi suất là 60.000.000đ x 0,75%/tháng x 74 tháng = 33.300.000 đồng. Bà H đã nhận được tiền lãi từ bà B hai lần bằng 21.600.000 đồng, nay bà H không yêu cầu bà B phải trả lãi thêm là đã có lợi cho bà B nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bà H. Tại phiên tòa hôm nay, qua động viên của đại diện Viện kiểm sát bà H đồng ý khấu trừ thêm 10.000.000 đồng trong số tiền lãi 21.600.000 đồng bà đã nhận của bà B vào tiền nợ gốc, nay bà chỉ yêu cầu bà B, ông D trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bà H.

Theo lời khai của bà B có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bà B xác định bà vay tiền của bà H để sử dụng vào việc mua máy cắt, phục vụ sản xuất nông nghiệp của gia đình. Do đó, việc sử dụng nguồn tiền vay này nhằm mục đích đem lại lợi ích thiết

thực cho gia đình nên cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà B, ông D, do đó cả bà B, ông D sẽ cùng phải chịu trách nhiệm liên đới trả số nợ này cho bà H.

Tại Điều 25 Luật HNGĐ năm 2000 quy định: "Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình."

Việc bà B cho rằng trong số 60.000.000 đồng ghi trong sổ tay của bà H thì bà chỉ vay số tiền gốc 40.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là tiền lãi bà H nhập chung. Ngoài ra bà đã trả cho bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền lãi liên tục từ năm 2012 đến năm 2016, còn số tiền gốc bà đã trả được 2 lần bằng 36.000.000 đồng. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bà B không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã trả tiền lãi và trả tiền gốc cho bà H theo như trình bày nêu trên nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khổng Thị H.

Về án phí: Bà B và ông D phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khổng Thị H đối với bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho bà Khổng Thị H là ***50.000.000 đồng*** *(Năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khổng Thị H.

3/ Về án phí DSST:

- Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Bà Khổng Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng) theo B lai thu số 0006825 ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự:
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc